

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-07-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Văn Kính.

Hội Thẩm Nhân Dân:

1. ông Bùi Văn Ôn;
2. ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Bùi Mạnh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/06/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Văn C, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt);

- Bị đơn: Bùi Thị M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: xóm Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và lời khai của mình, nguyên đơn anh Bùi Văn C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Bùi Thị M có tìm hiểu và kết hôn với nhau tháng 01/2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2013 đến nay, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do bất đồng quan điểm sống. Hiện hai người đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay không còn tình cảm với nhau. Do vậy, anh C xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị M và anh C có 02 con chung Bùi Xuân N, sinh ngày 23/02/2009 và Bùi Xuân B, sinh ngày 31/10/2011. Do cháu N và cháu B còn nhỏ và đang sống ổn định cùng bố và ông bà nội tại xóm T, xã Á; chị M đi làm ăn xa nên khi ly hôn anh C xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Anh C chưa yêu cầu chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh do nhu cầu của cháu B và cháu N chưa lớn nên anh C hoàn toàn có thể đáp ứng được đầy đủ. Anh C sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi chị M có đủ khả năng và nhu cầu của con thật sự cần thiết.

3. Về tài sản; Công nợ chung: anh C khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh C không có yêu cầu gì thêm.

Chị M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Chị M được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành. Phiên tòa đã phải hoãn một lần do vắng mặt chị M; Anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh C theo thủ tục chung là có cơ sở theo qui định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa anh C và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của anh C là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản; công nợ chung: anh C khai nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Thị M có nơi cư trú: xóm Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn Bùi Văn C và bị đơn Bùi Thị M: Anh Bùi Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Theo qui định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị M.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng luôn căng thẳng nặng nề không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Hiện hai người đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị M không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của mình trước việc anh C xin ly hôn tại Tòa án.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C với chị M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: anh C và chị M có 02 con chung là Bùi Xuân N, sinh ngày 23/02/2009 và Bùi Xuân B, sinh ngày 31/10/2011. Hiện cháu N và cháu B còn nhỏ và đang sống cùng bố và ông bà nội tại xóm T, xã Á; chị M đi làm ăn xa; nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với bố. Để đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của cháu B và cháu N, khi ly hôn anh C xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung.

Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy hiện tại cháu B và cháu N đã quen với điều kiện,

môi trường sống và được anh C nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất nên cần chấp nhận yêu cầu của anh C là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh C chưa yêu cầu chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh. Anh C sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi chị M có đủ khả năng và nhu cầu của con thật sự cần thiết. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì hiện anh C có đầy đủ điều kiện nuôi con, chị M thu nhập không ổn định, nhu cầu hiện tại của cháu B và cháu N chưa lớn và anh C hoàn toàn có thể đáp ứng được đầy đủ. Căn cứ các Điều 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh C là phù hợp.

[4] Về tài sản; công nợ chung: anh C khai nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn C về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" đối với chị Bùi Thị M.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Bùi Văn C được ly hôn chị Bùi Thị M.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Xuân N, sinh ngày 23/02/2009 và Bùi Xuân B, sinh ngày 31/10/2011 cho anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 07/2020 trở đi cho đến khi cháu B và cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh C chưa yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con).

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ dự phí anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002937 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay anh C không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Yên Nghiệp;
- UBND xã Ân Nghĩa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Kính

